

PHỤ LỤC II

Để bạn đọc có một tài liệu tổng hợp về phạm vi các làng xóm của Hà Nội, ít ra là từ đầu thế kỷ XIX, chúng tôi lập bảng Phụ lục này nhằm đối chiếu các tổng, phường, thôn của hai huyện Thọ Xương và Vĩnh Thuận (tương ứng lãnh thổ Kinh thành Thăng Long xưa) với các đường phố thuộc khu vực nội thành hiện nay.

Để làm công việc này chúng tôi dựa vào các tư liệu sau:

1. *Các trấn tổng xã danh bị lãm* (CTTXD) có ở Viện Hán Nôm, ký hiệu A. 570, là bộ sách ghi tên gọi của các phủ, huyện, châu, tổng, xã, thôn, phường của các trấn từ Đèo Ngang (Hà Tĩnh) trở ra Bắc. Năm 1981 Dương Thị The và Phạm Thị Thoa đã dịch in đặt tên là *Tên Làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX*. Trong bản dịch này có bài khảo chứng công phu của nhà Hán học Lê Hiệu, ông cho biết sách được soạn khoảng năm 1810-1813.

Như vậy các địa danh trong sách này là thuộc thập kỷ thứ 2 của thế kỷ XIX. Riêng phần này là lãnh thổ nội thành Hà Nội thì ngày đó gọi là phủ Hoài Đức gồm 2 huyện Thọ Xương và Vĩnh Thuận. Huyện Thọ Xương có 8 tổng, 193 phường thôn trại, huyện Vĩnh Thuận có 5 tổng, 56 phường thôn trại. Tổng cộng cả hai huyện - tức phủ Hoài Đức - có 13 tổng gồm 250 phường thôn trại. Đáng chú ý là trong số các thôn có những nơi mang tên nôm như Hàng Chè, Cầu Muống, Hàng Cá, Hàng Chài, Hàng Bè, Khán Sơn Núi Sưa v.v...

2. Tư liệu thứ hai được sử dụng là sách *Bắc Thành địa dư chí lược* (BTĐD) có ở Viện Hán Nôm, ký hiệu A.1565 do Lê Chất tập hợp một số nho sĩ, tổ chức biên soạn trong thời gian ông làm Hiệp trấn rồi Tổng trấn Bắc Thành (Hiệp trấn từ 1810-1818, Tổng trấn từ 1818-1826). Đây là bộ sách địa lý của 12 đơn vị hợp thành Bắc Thành: 11 trấn và 1 đơn vị trấn lý tức thành Thăng Long. Ở mục thành Thăng Long có ghi tên gọi các phường, thôn, trại thuộc hai huyện Thọ Xương và Vĩnh Thuận. Các tên gọi này *giống y như* danh sách tương ứng trong sách CTTXD. Điều này cho phép nghĩ rằng sách BTĐD này hoàn thành sau sách CTTXD; nhưng trước năm 1821. Tại sao? Vì vào tháng 2 âm lịch năm Minh Mạng thứ 2 tức 1821, Bộ Hộ có đề xuất xin vua cho thay một số tên nôm ra tên chữ Hán. Có thể Minh Mạng phê chuẩn ngay trong năm này (sẽ nói ở dưới)

3. Tư liệu thứ 3 là sách *Phương Đình địa chí loại* (PĐĐC) còn gọi là Đại Việt địa dư toàn biên do Phương Đình Nguyễn Văn Siêu và Hữu Trứ Bùi Quỹ cùng soạn, hoàn thành trước năm 1862 là năm Phương Đình viết lời dẫn. Đây là bộ địa lý nước ta gồm 5 quyển. Phương Đình soạn quyển I, II và IV. Hữu Trứ soạn quyển III và V. Trong quyển II có tư liệu liên quan đến các địa danh ở Hà Nội cổ. Số là quyển II này có tựa đề là *Ngã Việt Tiền Lê phương dư* với nội dung ghi chép địa lý nước Việt ta từ thời Lê trước đây. *Tiền Lê* không phải là nói thời Lê Đại Hành mà nói thời Lê trước thời tác giả sống tức nói thời Hậu Lê (1428-1788)

Quyển này chép diện cách các thừa tuyên, các trấn đời Hậu Lê trong đó có danh sách các tổng, phường, thôn, trại của hai huyện Thọ Xương và Vĩnh Thuận. Danh sách này cũng hoàn toàn giống với danh sách đã ghi trong CTTXD và BTĐD. Như vậy có thể nghĩ rằng khi viết PĐĐC Phương Đình đã sao lục nguyên văn danh sách các tổng phường thôn trại trong CTTXD hoặc BTĐD cho dù thời Phương Đình tên các đơn vị hành chính đó đã thay đổi, không chỉ một mà hai lần.

3.1 Lần thứ nhất là khoảng năm 1821. Như đã nêu ở trên vào ngày 12 tháng hai năm Minh Mạng thứ 2 (1821) Bộ Hộ đã có bản Tấu dâng vua xin cho đổi tên nôm ra tên chữ Hán để "đẹp cho muôn đời sau". Trong bản Tấu đó có ghi cụ thể phần thành Thăng Long phải đổi Hàng Chè ra Hương Mính (mính = chè). Cầu Muống ra Thái Kiêu (thái = rau). Hàng Cá ra Gia Ngư, Hàng Chài ra Ngư Vồng, Hàng Bè ra Tiên Sà (sà = bè mảng), Khán Sơn núi Sưa ra Xuân Sơn v.v... Có tới 34 trên 250 phường thôn của Thăng Long được đề nghị đổi tên. Chắc chắn là Minh Mạng duyệt y (tuy chưa rõ thời gian nào) vì đến bản đồ *Hoài Đức phủ toàn đồ* thì đã thấy ghi các tên đúng như Bộ Hộ đề nghị đổi từ năm 1821.

Xin nói qua về bản đồ này. Nay ta quen gọi là *Bản đồ Hà Nội năm 1831* vì là do hai ông Lê Đức Lộc và Nguyễn Công tiến hoàn thành ngày 15 tháng sáu năm Minh Mạng 12 tức 26-6-1831, tức là chỉ 5 tháng sau khi Minh Mạng làm một cuộc cải cách hành chính lớn là xóa bỏ các trấn, lập ra các

tỉnh (cái tên Hà Nội là có từ khi này). Tấm bản đồ này hiện có ở Viện Thông tin KHXH, ký hiệu A.2/3/32.

Đây là một tấm bản đồ về hình thể phủ Hoài Đức (gồm hai huyện Thọ Xương và Vĩnh Thuận) rộng trên 4m² nên ngoài vị trí các tổng, phường, thôn, trại còn có ghi đầy đủ cả một danh sách các đơn vị đó. So với danh sách của ba bộ CTTXD, BTĐD, PĐĐC thì danh sách của bản đồ này chỉ với đi có 2 đơn vị trong số 250 đơn vị. Đó là do tổng Yên Thành vốn có 26 phường thôn thì bấy giờ (1831) chỉ còn 24 (thực ra là còn có 2 sự thay đổi nữa nhưng không ảnh hưởng gì, đó là tổng Hậu Nghiêm có bớt đi 1, song tổng Tiền Nghiêm lại thêm ra 1). Chỉ có tên của 34 thôn là được đối chép đúng như bản tấu của Bộ Hộ năm 1821.

3.2. Lần thay đổi thứ hai là lần thay đổi tên các tổng và dồn xếp các phường thôn, đổi cả tên một số phường thôn. Thời gian thì chưa rõ nhưng chắc chắn là như đã nêu, phải sau năm Minh Mạng 12 (1831) năm có việc trọng đại là xóa bỏ tất cả các trấn, thiết lập các tỉnh, trong đấy có tỉnh Hà Nội (được lập trên cơ sở Thăng Long Thành cộng với một phần của trấn Sơn Tây và một phần của trấn Sơn Nam). Có thể là ngay năm 1831 đó hoặc sau đấy một, hai năm ở phủ Hoài Đức thuộc Hà Nội - tức phần đất Thăng Long thành cũ - có việc đổi tên gọi các tổng và sáp nhập nhiều phường thôn trại lại với nhau, sự sáp nhập khá mạnh, ví dụ tổng Hậu Nghiêm bị đổi ra tổng Thanh Nhàn và từ 20 phường thôn chỉ còn lại 8 phường, thôn. Hay tổng Yên Thành vẫn giữ nguyên tên song từ 26 thôn nhập lại còn có 12 thôn. Tính tổng quát thì 8 tổng của huyện Thọ Xương đều bị đổi tên, và huyện này số phường, thôn trại từ 194 rút xuống còn 116; huyện Vĩnh Thuận vẫn giữ tên của 5 tổng song số phường, thôn trại từ 56 rút xuống còn 41. Cả phủ Hoài Đức vị chi từ 250 đơn vị còn 157 (về cách đặt tên các phường, thôn mới nhập với nhau thì thường là theo nguyên tắc ghép một chữ trong tên đơn vị này với một chữ trong tên đơn vị kia, ví dụ: Kim Bát + Cổ Vũ = Kim Cổ, Phúc Phố + Tô Mộc = Phúc Tô v.v...)

Song PĐĐC không đưa hai lần thay đổi nói trên vào quyển II mà chỉ đưa ra danh sách cũ. Điều này cũng dễ hiểu vì quyển II nói về *Ngã Việt Tiền Lê phương dư* tức địa dư nước Việt ta thời nhà Lê trước đây chứ không phải thời Nguyễn đương đại.

Bên trên có đoán định rằng việc sáp nhập mạnh các đơn vị hành chính cơ sở, kể cả việc đổi tên là có thể xảy ra ngay năm 1831 (thành lập tỉnh mới) hoặc sau đó ít lâu chính là nhờ vào việc xem xét các địa bạ. Địa bạ là văn bản có tính quan phương ghi chép tên gọi địa giới, diện tích và sở hữu ruộng đất của từng phường, thôn, xã, trại, ấp v.v... Gần đây, Phan Huy Lê đã có điều kiện đọc kho Địa bạ của Cục Lưu trữ, đã nghiên cứu và công bố nhiều thông tin hữu ích trong bộ sách *Tìm về cội nguồn*, tập I - 1998. Qua đó, ta thấy trong những địa bạ thuộc địa hạt thành Thăng Long ra đời năm 1805 tức đầu đời Gia Long (1802-1820) thì tên tổng và phường, thôn giống như danh sách trong CTTXD tức cũng là trong BTĐD và quyển II của PĐĐC. Nhưng sang đến địa bạ thuộc tỉnh Hà Nội năm 1837 tức Minh Mạng thứ 18 thì hoàn toàn khác danh sách cũ: tất cả 8 tổng ở huyện Thọ Xương đã bị đổi tên và đa số các phường, thôn trại đã bị sáp nhập, đồng thời mang tên mới. Ông Phan Huy Lê cho biết "hệ thống đơn vị hành chính này (tức các tổng phường, thôn trại - NVP) hoàn toàn phù hợp với những ghi chép và bản đồ huyện Thọ Xương của Đồng Khánh địa dư chí lược (ĐKĐD) hoàn thành dưới thời Đồng Khánh (1886-1888). Lúc đó huyện Thọ Xương có 8 tổng, 116 phường thôn trại¹.

Về huyện Vĩnh Thuận thì ít thay đổi hơn: tên và số tổng được giữ nguyên từ thời CTTXD (5 tổng). Số phường, thôn thì trừ tổng Yên Thành ra, còn 4 tổng khác hầu như cũng được giữ nguyên. Tổng Yên Thành từ 26 thôn trong CTTXD giảm xuống 24 thôn trong bản đồ Hoài Đức phủ rồi xuống 12 thôn trong ĐKĐD. Cả huyện này, số phường, thôn từ 56 giảm xuống còn 41.

Như vậy tổng số và tên gọi các tổng, phường, thôn trại ở hai huyện Thọ Xương và Vĩnh Thuận ghi chép trong ĐKĐD thực sự là đã được thấy muộn nhất từ năm 1837. Những tên gọi đó dù sau này lãnh thổ có chuyển từ huyện này sang huyện khác rồi hộ phố (quartier) này sang hộ phố khác

¹ *Tìm về cội nguồn* - Tập I - tr.261

thì vẫn được bảo lưu đến tận ngày nay. Các tên phường, thôn trại cũ nay hết thảy được gọi là làng và vẫn còn đó: làng Cổ Lương, làng Bảo Khánh, làng Cổ Vũ, làng Trung Yên v.v... Đúng là vật đổi sao dời nhưng tên làng cổ vẫn còn, "nghìn năm gọi một chút này là ghi".

Thực ra còn có thể nêu thêm một cứ liệu, đó là sách *Hà Nội địa bạ* (của Viện Hán Nôm, ký hiệu A.628) do Nguyễn Hữu Chính soạn vào năm 1866 chép lại danh sách các phường thôn Hà Nội mà cứ theo phát hiện của Phan Huy Lê đã nêu ở trên - thì chính là danh sách có từ năm 1837 và được giữ cho tới tận khi sách ĐKĐD được soạn (1886-1888).

Như vậy sách *Hà Nội địa bạ* này cũng là thêm một bằng chứng về việc không có thay đổi tên gọi các địa danh Hà Nội suốt từ 1837 đến 1888.

*

Trên cơ sở tư liệu như trên, chúng tôi lập bảng đối chiếu này. Có thể còn có sai sót song cơ bản là giúp bạn đọc có được cái nhìn lịch đại về phố phường Hà Nội.

Có bốn cột đánh số 1, 2, 3, 4.

Cột 1 là danh sách các phường, thôn trại chép theo sách *Các trấn tổng xã danh* bị lâm tức cũng là theo *Bắc Thành địa dư chí lược* và *Phương Đình địa chí loại* (quyển II), là những tư liệu thuộc thập kỷ thứ 2 của thế kỷ XIX tức thời gian Hà Nội còn là Thăng Long thành. Rất có thể các đơn vị hành chính ấy là các thôn xóm nằm trong 36 phường đời Lê.

Cột 2 là danh sách các phường, thôn chép theo *Hoài Đức phủ toàn đồ* ra đời năm 1831 là năm bắt đầu có tên gọi Hà Nội. Bạn đọc sẽ thấy rằng giữa hai cột I và II không có sự khác biệt gì lớn. Chỉ có vài ba thôn được đặt thêm ra hoặc nhập vào với nhau. Và cái đáng chú ý là có 34 tên nôm lúc này đã được đổi ra tên chữ Hán (ví như Hàng Cá thành Gia Ngư, Hàng Chài thành Ngư V ông...)

Cột 3 là danh sách các phường, thôn chép theo *Hà Nội địa bạ* là tài liệu soạn năm 1866 cũng có nghĩa là theo *Đồng Khánh địa dư chí lược* soạn khoảng 1886-1888 song kỳ thực là danh sách các phường thôn được đặt muện nhất là vào năm 1837 và được dùng cho tới đầu thời Pháp thuộc.

Còn cột 4 là tên các đường phố hiện nay tương ứng với địa phận các phường, thôn cũ đã ghi trong cột III. Tên các tổng và phường, thôn ở cột I xếp theo a, b, c. Còn các phường thôn phố ở các cột II, III, IV thì xếp tương ứng với phường thôn gốc ở cột I.

NGUYỄN VINH PHÚC

HUYỆN THỌ XƯƠNG (8 tổng)

1. Tổng Hậu Nghiêm (Thanh Nhàn)

1	2	3	4
Tổng Hậu Nghiêm 20 phường thôn	Tổng Hậu Nghiêm 19 phường thôn	Tổng Thanh Nhàn 8 thôn	
1. Cảm Ứng thôn 2. Đức Bác thôn 3. Hàm Châu thôn 4. Hàng Rau thôn 5. Hoa Viên thôn 6. Hộ Quốc thôn 7. Hữu Vọng thôn 8. Lương Xá thôn 9. Hàng Trướng thôn 10. Nhân Chiêu thôn 11. Tây Hồ thôn	1. Cảm Ứng thôn 2. Đức Bác thôn 3. Hàm Châu thôn 4. Hương Thái thôn 5. Hoa Viên thôn 6. Hộ Yên thôn 7. Hữu Vọng thôn 8. Lương Xá thôn 9. Hành Môn thôn 10. Nhân Chiêu thôn	1. Cảm Hội (Cảm Ứng + Yên Hội) 2. Hàm Khánh (Hàm Khánh + Tràng Khánh) 3. Hương Viên Đức (Đức Bác + Hoa Viên + Hành Môn + Nhân Chiêu) 4. Vọng Đức (Hữu Vọng + Hàm Châu) 5. Yên Lăng (Thanh Lăng	Nguyễn Công Trứ (đầu) Hàm Long + Lê Văn Hưu Trần Xuân Soạn + Lò Đúc + Hàng Chuối + Đồng Nhân Vọng Đức + Phan Chu Trình (giữa) Lăng Yên

12. Thanh Lăng thôn 13. Thanh Nhân thôn 14. Thọ Lão thôn 15. Trảng Khánh thôn 16. Trung Chí thôn 17. Yên Lạc thôn 18. Yên Hội thôn 19. Yên Hội - Hàng Hương thôn 20. Yên xá phường	11. Thanh Lăng thôn 12. Thanh Nhân thôn 13. Thọ Lão thôn 14. Trảng Khánh thôn 16. Trung Chí thôn 17. Yên Lạc thôn 18. Yên Hội thôn 19. Yên Hội - Hàng Hương 20. Yên xá phường	+ Hộ Yên) 6. Thanh Nhân (+ Thọ Lão) 7. Lạc Trung (Trung Chí + Yên Lạc + Hương Thái) 8. Lương Yên (Lương Xá + Yên Xá)	Thanh Nhân Lạc Trung Lương Yên
---	--	--	--

2. Tổng Hữu Nghiêm (Yên Hòa)

1	2	3	4
Tổng Hữu Nghiêm 26 phường thôn 1. Cầu Muống thôn 2. Hàng Cháo Cổ Thành thôn 3. Đình Tân thôn 4. Giao Trị thôn 5. Hàng Bột thôn 6. Hàng Gạo thôn 7. Hậu Bà Ngô thôn 8. Hậu Giám thôn 9. Hữu Biên Giám thôn 10. Hữu Giám Thị thôn 11. Huy Văn thôn 12. Minh Triết thôn 13. Nội Thống thôn 14. Phụng Thánh thôn 15. Ngự Sử thôn 16. Ngõ Hàng Cờ thôn 17. Tá Bà Ngô thôn 18. Tả Biên Giám thôn 19. Thị Trung thôn 20. Quan Thổ thôn 21. Tạo Đề thôn 22. Trung Tả thôn 23. Trung Tiền thôn 24. Xã Đàn phường 25. Yên Hòa thôn 26. Văn Mặc	Tổng Hữu Nghiêm 26 phường thôn 1. Thái Kiều thôn 2. Thục Miến thôn 3. Đình Tân thôn 4. Giao Trị thôn 5. Hương Miến thôn 6. Mễ Sơn thôn 7. Huyện Ngô thôn 8. Hậu Giám thôn 9. Hữu Biên Giám thôn 10. Hữu Giám Thị thôn 11. Huy Văn thôn 12. Minh Triết thôn 13. Nội Thống thôn 14. Phụng Thánh thôn 15. Ngự Sử thôn 16. Lương Sử thôn 17. Thanh Ngô thôn 18. Tả Biên Giám Thục Miến thôn 19. Thị Trung thôn 20. Quan Thổ thôn 21. Tạo Đề thôn 22. Trung Tả thôn 23. Trung Tiền thôn 24. Xã Đàn phường 25. Yên Hòa thôn 26. Văn Mặc	Tổng Yên Hòa 11 thôn 1. Cổ Giám (+ Hậu Giám) 2. Văn Tân (Đình Tân + Văn Mặc) 3. Văn Hương (Huy Văn + Hương Miến + Trung Tả) 4. Hữu Giám thôn (Hữu Biên Giám + Hữu Biên Giám Thị) 5. Minh Triết (+ Giao Trị) 6. Trung Phụng (Phụng Thánh + Thị Trung) 7. Lương Sử (Lương Sử + Ngự Sử) 8. Thanh Miến (Thục Miến + Thanh Ngô) 9. Thổ Quan (Quan Thổ + Quan Trạm của tổng Hạ) 10. Xã Đàn (+ Thái Kiều + Mễ Sơn) 11. Yên Hòa	Nguyễn Thái Học (cuối) + Trịnh Hoài Đức Nguyễn Khuyến + Yên Thế Hàng Bột và các ngõ Hàng Bột (đầu) Quốc Tử Giám (cuối) Chợ Khâm Thiên Quốc Tử Giám (đầu) Thanh Miến + Văn Miếu (đầu) Thổ Quan + Khâm Thiên Khu Xã Đàn Trần Quý Cáp

3. Tổng Tả Nghiêm (Kim Liên)

1	2	3	4
---	---	---	---

Tổng Tả Nghiêm 23 phường thôn 1. Cấm Chỉ thôn 2. Nhiều Hạ thôn 3. Đông Tác Trung Tự thôn 4. Đối Mã thôn 5. Giáo phường thôn 6. Hàng Bài thôn 7. Hậu Phong Vân thôn 8. Hồi Thuần thôn 9. Hồng Mai phường 10. Kim Hoa phường 11. Long Hồ thôn 12. Phúc Lâm phường 13. Phúc Lâm Tiểu thôn 14. Phục Cổ phường 15. Quỳnh Lôi trại 16. Sài Tân thôn 17. Thịnh Xương thôn 18. Thống Nhất thôn 19. Thuận Mỹ thôn 20. Vệ Hồ Giao thôn 21. Vũ Thạch thôn 22. Vũ Thạch Hạ thôn 23. Yên Thọ	Tổng Tả Nghiêm 23 phường thôn 1. Cấm Chỉ thôn 2. Nhiều Hạ thôn 3. Trung Tự thôn 4. Hòa Mã thôn 5. Giáo phường thôn 6. Yên Bài thôn 7. Hậu Phong Vân thôn 8. Hồi Thuần thôn 9. Hồng Mai phường 10. Kim Hoa phường 11. Long Hồ thôn 12. Phúc Lâm phường 13. Phúc Lâm Tiểu thôn 14. Phục Cổ phường 15. Quỳnh Lôi trại 16. Sài Tân thôn 17. Thịnh Xương thôn 18. Thống Nhất thôn 19. Thuận Mỹ thôn 20. Vũ Thạch thôn 21. Vũ Thạch Hạ thôn 22. Yên Thọ thôn 23. Phục Cổ Đông Hạ thôn	Tổng Kim Liên 15 phường thôn 1. Trung Tự thôn 2. Hòa Mã thôn 3. Giáo Phường thôn 4. Vân Hồ (Hậu Phong + Long Hồ) 5. Bạch Mai phường 6. Kim Liên phường 7. Phúc Lâm phường 8. Phúc Lâm Tiểu thôn 9. Phục Cổ phường 10. Quỳnh Lôi trại 11. Thịnh Yên thôn (Thịnh Xương + Yên Thọ) 12. Hồi Mỹ (Hồi Thuần + Thuận Mỹ) 13. Vũ Thạch (+ Vũ Thạch Hạ) 14. Yên Nhất (Thống Nhất + Yên Thọ) 15. Đông Tân (Đông Hạ + Cấm Chỉ + Sài Tân).	Phố Huế Bà Triệu (cuối) + Lê Đại Hành Bạch Mai Khu Kim Liên Bà Triệu (giữa) + Bùi Thị Xuân (cuối) Mai Hắc Đế (cuối) + Bùi Thị Xuân (cuối) Nguyễn Du (đầu) Khu Quỳnh Lôi Thịnh Yên + Yên Bái Hàm Long (cuối) + Bùi Thị Xuân Bà Triệu (đầu) + Tràng Thi (đầu) Phố Huế (cuối) + Thái Phiên (đầu) Phố Huế (giữa) + Triệu Việt Vương (giữa) + Mai Hắc Đế
---	--	--	--

4. Tổng Tiền Nghiêm (Vĩnh Xương)

1	2	3	4
Tổng Tiền Nghiêm 30 phường thôn 1. Anh Mỹ thôn 2. Báo Thiên phường Thương Đông Hạ thôn 3. Báo Thiên phường Thương Đông Thượng thôn 4. Báo Thiên Thương Đông Môn Hạ thôn 5. Cổ Vũ Bắc Hạ Bắc	Tổng Tiền Nghiêm 30 phường thôn 1. Anh Mỹ thôn 2. Thương Đông Hạ thôn 3. Thương Đông Thượng thôn 4. Thương Môn Hạ thôn 5. Cổ Vũ phường	Tổng Vĩnh Xương 15 thôn 1. Đông Mỹ (Anh Mỹ + 3 thôn Thương Đông) 2. Bắc Hạ + Bắc Thương 3. Tiên Mỹ (Cung Tiên +	Thợ Nhuộm (đầu) + Hàng Bông (cuối) Hàng Bông (cuối) + Trường Thi (cuối) Lê Duẩn (giữa) + Đỗ

Thượng thôn 6. Cung Tiên thôn 7. Đông Tác Cửa Nam thôn 8. Hoa Cấm thôn 9. Hàng Dầu thôn 10. Hữu Lễ thôn 11. Khâm Thiên Giám thôn 12. Liên Thủy thôn 13. Linh Động thôn 14. Linh Quang thôn 15. Lưu Truyền thôn 16. Nam Môn Hoa Ngự thôn 17. Nam Phụ môn 18. Nguyên Khánh thôn 19. Pháp Hoa thôn 20. Quang Hoa thôn 21. Tô Tiên thôn 22. Tứ Mỹ thôn 23. Tương Thuận thôn 24. Thế Giao thôn 25. Thiên Quang thôn 26. Trung Kính thôn 27. Vĩnh Xương thôn 28. Yên Tập thôn 29. Yên Trung Thượng thôn 30. Yên Trung Hạ thôn	6. Cung Tiên thôn 7. Nam Hưng thôn 8. Hoa Cấm thôn 9. Bích Du thôn 10. Hữu Lễ thôn 11. Khâm Đức thôn 12. Liên Thủy thôn 13. Linh Động thôn 14. Linh Quang thôn 15. Lưu Truyền thôn 16. Nam Môn Hoa Ngự thôn 17. Nam Phụ môn 18. Nguyên Khánh thôn 19. Pháp Hoa thôn 20. Quang Hoa thôn 21. Tô Tiên thôn 22. Tứ Mỹ thôn 23. Tương Thuận thôn 24. Thế Giao thôn 25. Thiên Quang thôn 26. Trung Kính thôn 27. Vĩnh Xương thôn 28. Yên Tập thôn 29. Yên Trung Thượng thôn 30. Yên Trung Hạ thôn	Tứ Mỹ) 4. Nam Ngự (Nam Hưng + Hoa Ngự) 5. Bích Lưu (Bích Du + Lu Truyền) 6. Liên Đường (Liên Thủy + Hữu Lễ) 7. Linh Động 8. Linh Quang 9. Phụ Khánh (Nguyên Khánh + Nam Phụ) 10. Thiên Quang (Pháp Hoa + Quang Hoa + Thế Giao) 11. Mỹ Đức (Khâm Thiên + Tô Tiên + Tương Thuận + Trung Kính) 12. Vĩnh Xương 13. Yên Tập 14. Yên Trung Thượng 15. Yên Trung Hạ	Hành Nam Ngự + Phan Bội Châu Thợ Nhuộm (cuối) + Hai Bà Trưng (gần cuối) Trần Bình Trọng + Nguyễn Thượng Hiền Khu Linh Quang Thợ Nhuộm + Dã Tượng + Hỏa Lò Trần Nhân Tông + Nguyễn Đình Chiểu Khâm Thiên (đầu) + chợ Khâm Thiên Thế Giao + cuối Tuệ Tĩnh Nguyễn Thái Học Quán Sứ (đầu) Cửa Nam + Đình Ngang Hà Trung + Phùng Hưng (cuối)
--	---	--	---

5. Tổng Hậu Túc (Đồng Xuân)

1	2	3	4
Tổng Hậu Túc 17 phường thôn 1. Cầu Cháy thôn 2. Đông Hà phường Hương Bài thôn 3. Đông Hoa Môn thôn 4. Đông Hoa Nội Tự thôn 5. Đông Các Nội Tự thôn 6. Đông Thuận thôn 7. Đồng Xuân phường 8. Hậu Đông Hoa Môn thôn 9. Hoa Đán thôn 10. Huyền Thiên thôn 11. Nghĩa Lập thôn	Tổng Hậu Túc 17 phường thôn 1. Cổ Lường thôn 2. Đông Hà phường Hương Bài thôn 3. Đông Hoa Môn thôn 4. Đông Hoa Nội Tự thôn 5. Đông Các Nội Tự thôn 6. Đông Thuận thôn 7. Đồng Xuân phường 8. Hậu Đông Hoa Môn thôn 9. Hoa Đán thôn 10. Huyền Thiên thôn 11. Nghĩa Lập thôn	Tổng Đồng Xuân 14 phường thôn 1. Cổ Lường thôn 2. Đông Hà phường Hương Bài thôn 3. Đồng Thuận 4. Đồng Xuân phường 5. Huyền Thiên thôn 6. Nghĩa Lập thôn	Nguyễn Văn Siêu Hàng Chiếu (đầu) Hàng Cá Đồng Xuân (bên dãy số lẻ + ngõ Đồng Xuân + Hàng Giấy (cuối)) Hàng Khoai Hàng Đậu

12. Phú Từ thôn 13. Thanh Hà thôn	12. Phú Từ thôn 13. Thanh Hà thôn	7. Phú Từ thôn 8. Thanh Hà thôn	Hàng Lược Hàng Chiếu (cuối) + Ngõ Gạch
14. Tiền Trung thôn 15. Vĩnh Thái thôn	14. Tiền Trung thôn 15. Vĩnh Thái thôn	9. Tiền Trung thôn 10. Vĩnh Hanh thôn	Nguyễn Thiện Thuật Hàng Đường (đầu) + Hàng Mã (đầu)
16. Vĩnh Trù thôn 17. Yên Phú thôn	16. Vĩnh Trù thôn 17. Yên Phú thôn	11. Vĩnh trù thôn 12. Yên Phú thôn 13. Đức Môn (Đông Hoa Môn + Đông Hoa Môn Tự + Hậu Đông Hoa) 14. Phương Trung (Nhiễm Trung + Hoa Đán)	Hàng Lược (cuối) Hàng Mã (giữa) Lân Ông + Chả Cá + Hàng Đường Hàng Lược (giữa) + Đông Xuân (đầu)

6. Tổng Hữu Túc (Đông Thọ)

1	2	3	4
Tổng Hữu Túc 19 phường thôn	Tổng Hữu Túc 19 phường thôn	Tổng Đông Thọ 13 phường thôn	
1. Báo Thiên Dừng Hãn thôn	1. Dừng Hãn thôn	1. Dừng Thọ thôn (Dừng Hãn + Đông Thọ + Hải Tượng)	Hàng Bạc, Tạ Hiện
2. Diên Hưng phường	2. Diên Hưng phường	2. Diên Hưng thôn	Hàng Ngang
3. Đông Các thôn	3. Đông Thọ thôn	3. Nhiễm Thượng thôn	Cầu Gỗ (giữa)
4. Đông Tác Nhiễm Thượng thôn	4. Nhiễm Thượng thôn	4. Đông Yên thôn	Hàng Thùng (cuối)
5. Đông Yên thôn	5. Đông Yên thôn	5. Hà Khẩu phường	Hàng Buồm (đầu)
6. Hà Khẩu phường	6. Hà Khẩu phường	6. Hà Thanh thôn (Hạ Hà + Tả Vọng)	Đình Tiên Hoàng (cuối) + Lê Lai (đầu) + Lê Thạch
7. Hạ Hà thôn	7. Hạ Hà thôn	7. Gia Ngự thôn	Gia Ngự
8. Hàng Cá thôn	8. Gia Ngự thôn	8. Hương Minh thôn	Đình Tiên Hoàng (đầu) + Cầu Gỗ (cuối)
9. Hàng Trà thôn	9. Hương Minh thôn	9. Ngự Vồng thôn	Đào Duy Từ + Lương Ngọc Quyển
10. Hàng Chài thôn	10. Ngự Vồng thôn	10. Cựu Lâu thôn (gồm Hậu Bi + Hậu Lâu + Cựu Súng)	Ngõ Quyền (giữa) + Lý Thái Tổ (giữa)
11. Hậu Bi thôn	11. Hậu Bi thôn	11. Nam Phố thôn	Hàng Bè
12. Hậu Lâu thôn	12. Hậu Lâu thôn	12. Trung Yên thôn	Ngõ Trung Yên + Đình Liệt
13. Kho Súng thôn	13. Cựu Súng thôn	13. Ưu Nghĩa thôn (Ưu Nhất + Trung Nghĩa)	Cột đồng hồ + Nguyễn Hữu Huân (đầu)
14. Nam Hoa thôn	14. Nam Hoa thôn		
15. Tả Vọng thôn	15. Tả Vọng thôn		
16. Trung Nghĩa thôn	16. Trung Nghĩa thôn		
17. Trung Yên thôn	17. Trung Yên thôn		
18. Ưu Nhất thôn	18. Ưu Nhất thôn		
19. Hải Tượng thôn	19. Hải Tượng thôn		

7. Tổng Tả Túc (Phúc Lâm)

1	2	3	4
---	---	---	---

Tổng Tả Túc 29 phường thôn	Tổng Tả Túc 29 phường thôn	Tổng Phúc lâm 18 phường thôn	
1. Hương Bài ngoại ô môn thôn	1. Hương Bài ngoại ô môn thôn	1. Hương Nghĩa thôn (Hương Bài + Kiên Nghĩa)	Chợ Gạo + Đào Duy Từ (đầu)
2. Hà Khẩu Kiên Nghĩa thôn	2. Hà Khẩu Kiên Nghĩa thôn		
3. Hàng Lược thôn	3. Hàng Lược thôn	2. Mỹ Lộc thôn	Hàng Mắm + Hàng Bạc (đầu)
4. Mỹ Lộc thôn	4. Mỹ Lộc thôn		
5. Nghĩa Dũng thôn	5. Nghĩa Dũng thôn	3. Nghĩa Dũng thôn	
6. Nguyên Khiết Hạ thôn	6. Nguyên Khiết Hạ thôn	4. Nguyên Khiết Hạ thôn	Trần Nhật Duật -nt-
7. Nguyên Khiết Thượng thôn	7. Nguyên Khiết Thượng thôn	5. Nguyễn Khiết Thượng thôn	
8. Phúc Cổ Đình Hạ thôn	8. Phúc Cổ Đình Hạ thôn	6. Phúc Lâm thôn	Gầm Cầu
9. Phúc Lâm thôn	9. Phúc Lâm thôn	7. Trang Lâu (Sơ Trang + Tả Lâu)	Lò Sũ + Nguyễn Hữu Huân (cuối)
10. Tả Lâu thôn	10. Tả Lâu thôn	8. Tây Luông Thạch thi thôn	Tràng Tiền (đầu) + Phạm Ngũ Lão (đầu)
11. Tây Long đồn Bến Đá thôn	11. Tây Long đồn Thạch Tân thôn	9. Cơ xá thôn (gồm 6 thôn Thủy Cơ)	Bạch Đằng + Phúc Tân + Phúc Xá + Cầu Đất
12. Thủy Cơ Biện Dương thôn	12. Thủy Cơ Biện Dương thôn		
13. Thủy Cơ Đông Trạch thôn	13. Thủy Cơ Đông Trạch thôn		
14. Thủy Cơ Lăng Hồ thôn	14. Thủy Cơ Lăng Hồ thôn		
15. Thủy Cơ Tự Nhiên thôn	15. Thủy Cơ Tự Nhiên thôn		
16. Thủy Cơ Trúc Vồng thôn	16. Thủy Cơ Trúc Vồng thôn		
17. Thủy Cơ Cơ Xá thôn	17. Thủy Cơ Cơ Xá thôn		
18. Trường Thanh Thượng thôn	18. Trường Thanh Thượng thôn	10. Trường Thanh Thượng thôn	Cột Đồng Hồ + Hàng Muối
19. Trường Thanh Trung thôn	19. Trường Thanh Trung thôn	11. Trường Thanh Trung thôn	Hàng Tre (cuối)
20. Trường Thanh Trung Bè Thượng thôn	20. Trường Thanh Trung Mộc Sà thôn	12. Thanh Yên thôn	Hàng Mắm + Trần Quang Khải (đầu) + Hàng Thùng (đầu)
21. Trường Thanh Trung Bè Hạ thôn	21. Trường Thanh Trung Bảo Phiệt thôn	13. Bảo Linh thôn	Hàng Tre (đầu)
22. Trường Thanh Trung Sài Thúc thôn	22. Trường Thanh Trung Sài Thúc thôn	14. Sài Thúc thôn	Lò Sũ + Hàm Tử Quan + Lý Thái Tổ (đầu)
23. Trường Thanh Trung Ngũ Hâu	23. Trường Thanh Trung Ngũ Hâu	15. Ngũ Hâu (+ Yên Vệ)	
24. Trường Thanh Cựu Vệ Tả thôn	24. Trường Thanh Trung Yên Vệ thôn		
25. Trường Thanh Hạ Tả thôn	25. Trường Thanh Hạ Tả thôn		
26. Trường Thanh hạ Thượng thôn	26. Trường Thanh hạ Thượng thôn	16. Trường Thanh Hạ Kiếm Hồ (+ Hạ Tả + Hạ Thượng)	Hàng vôi + Lý Thái Tổ (cuối)
27. Trường Thanh Hạ Hàng Kiếm thôn	27. Trường Thanh Hạ Kiếm Hồ thôn		
28. Trung Liệt miếu Bến Đá thôn	28. Trung Liệt miếu Thạch Tân thôn	17. Cổ Tân	Trần Quang Khải (đầu)
29. Vọng Hà thôn	29. Vọng Hà	18. Vọng Hà	Tông Đản

--	--	--	--

8. Tổng Tiền Túc (Thuận Mỹ)

1	2	3	4
Tổng Tiền Túc 29 phường thôn	Tổng Tiền Túc 30 phường thôn	Tổng Thuận Mỹ 22 phường thôn	
1. Báo Thiên Chùa Tháp thôn 2. Báo Thiên Tự thôn 3. Báo Thiên Thị Vật thôn 4. Cổ Vũ Hạ thôn 5. Cổ Vũ Thượng thôn 6. Cổ Vũ Trung thôn 7. Cổ Vũ Yên Nội thôn 8. Chân Tiên Hàng Đàn thôn 9. Chiêu Hội thôn	1. Báo Thiên Tự Tháp thôn 2. Báo Thiên Tự thôn 3. Báo Thiên Thị Vật thôn 4. Cổ Vũ Hạ thôn 5. Cổ Vũ Thượng thôn 6. Cổ Vũ Trung thôn 7. Cổ Vũ Yên Nội thôn 8. Chân Tiên thôn 9. Minh Cầm thôn (tách từ Châu Tiên) 10. Chiêu Hội thôn	1. Báo Thiên Tự Tháp thôn 2. Báo Khánh thôn (Báo Thiên Tự + Khánh Thụy Hữu) 3. Cổ Vũ Thượng thôn 4. Cổ Vũ Yên Nội thôn 5. Chân Cầm thôn (Chân Tiên + Minh Cầm) 6. Hội Vũ thôn (Chiêu Hội + Cổ Vũ Trung) 7. Đông Hà phường 8. Đông Thành thôn	Nhà Thờ + Hàng Trống (cuối) Báo Khánh Hàng Da Chân Cầm Hội Vũ + Quán Sứ (cuối) Hàng Gai (đầu) Bát Sứ + Hàng Vải
10. Đông Hà phường 11. Đông Thành thôn 12. Đông Thành Thị thôn	11. Đông Hà phường 12. Đông Thành thôn (gồm cả Đông Thành Thị) 13. Đông Thành Yên Nội thôn	9. Đông Thành Yên Nội thôn 10. Đồng Lạc phường 11. Nhân Nội thôn	Hàng Nón Hàng Đào Hàng Bô (cuối) + Bát Đàn Hàng Cân (đầu)
13. Đông Thành Yên Nội thôn 14. Đồng Lạc phường 15. Hàng Nồi thôn 16. Hoa Nương thôn 17. Hữu Đông Môn thôn 18. Kim Bát Hạ thôn 19. Kim Bát Thượng thôn	14. Đồng Lạc phường 15. Nhân Nội thôn 16. Yên Hoa thôn 17. Hữu Đông Môn thôn 18. Kim Bát Hạ thôn 19. Kim Bát Thượng thôn	12. Hữu Đông Môn thôn 13. Kim Cổ phường (Kim Bát + Cổ Vũ Hạ và Trung) 14. Khánh Thụy thôn	Hàng Bông (giữa) + Hàng Da + Đường Thành (cuối) Hàng Hành
20. Khánh Thụy Hữu thôn 21. Khánh Thụy Tả thôn	20. Khánh Thụy Hữu thôn 21. Khánh Thụy Tả thôn	15. Phúc Tô (Phúc Tô +	Lê Thái Tổ (cuối)

22. Phúc Phổ thôn 23. Tô Mộc thôn 24. Tiên Thị thôn 25. Tô Tịch thôn 26. Thái Cực phường 27. Thuận Mỹ thôn 28. Xuân Hoa thôn 29. Yên Thái thôn	22. Phúc Phổ thôn 23. Tô Mộc thôn 24. Tiên Thị thôn 25. Tô Tịch thôn 26. Đại Lợi phường 27. Thuận Mỹ thôn 28. Xuân Hoa thôn 29. Yên Thái 30. Tân Lập - Tân Khai thôn	Tô Mộc) 16. Tiên Thị thôn 17. Tô Tịch thôn 18. Đại Lợi thôn 19. Thuận Mỹ thôn 20. Xuân Yên (Xuân Hoa + Yên Hoa) 21. Yên Thái 22. Tân Lập - Tân Khai thôn	Lý Quốc Sư Tô Tịch Hàng Đào Hàng Quạt Hàng Cấn (cuối) Lương Văn Can Yên Thái + Tạm Thương + Hàng Cót + Hàng Gà
---	--	---	---

HUYỆN VĨNH THÀNH (5 tổng)

1. Tổng Yên Thành

1	2	3	4
26 thôn	24 thôn	12 thôn	
1. Bà Trê thôn	1. Tiểu Trinh thôn	1. An Trạch (Tiểu Trinh + Tiên Thù + Cận Tú Uyên)	Đoàn Thị Điểm Đặng Trần Côn Cát Linh Châu Long
2. Cận Hàn thôn	2. Cận Hàn thôn	2. Châu Yên (Châu Long + Yên Diên)	
3. Cận Tú Uyên thôn	3. Cận Tú Uyên thôn	3. Khán Xuân (Xuân Sơn + Hậu Khánh Sơn)	Vườn Bách Thảo
4. Châu Long Tự thôn	4. Châu Long thôn	4. Lạc Chính (Ngũ Xã + Tứ Chính)	Ngũ Xã + Trúc Bạch
5. Dũ Hậu thôn	5. Dũ Hậu thôn	5. Thanh Bảo (Phụ Bảo + Thanh Ninh)	Lê Trực + Sơn Tây + Chùa Một Cột
6. Hậu Khán Sơn thôn	6. Hậu Khán Sơn thôn	6. Yên Quang (Quan Quang + Trần Võ + Tân Yên)	Quan Thánh (cuối) + Đặng Tất
7. Khán Sơn núi Sưa thôn	7. Xuân Sơn thôn	7. Trúc Yên (Trúc Bạch + Yên Canh)	Phó Đức chính (đầu) + Ngõ Trúc Lạc Cửa Bắc + Phạm Hồng Thái
8. Ngũ Xã tràng	8. Ngũ Xã tràng	8. Yên Định (+ Yên Diên)	Hàng Bún Phan Huy Ích + Quan Thánh (đầu)
9. Nhất Trụ Tự thôn	9. Phụ Bảo thôn (+ Thanh Trường)	9. Yên Ninh	Hàng Than + Nguyễn Trường Tộ (đầu)
10. Phụ Bảo thôn	10. Quan Quang thôn	10. Yên Thành	
11. Quan Thánh thôn	11. Tân Yên thôn	11. Yên Thuận	
12. Tăng Phúc Tự thôn	12. Tiên Phù thôn		
13. Tân Yên thôn	13. Tứ Chính Tràng thôn		
14. Tiên Phù thôn	14. Thanh Ninh thôn		
15. Thanh Trường thôn	15. Trấn Võ thôn		
16. Tứ Chính Tràng thôn	16. Trúc Bạch thôn		
17. Thanh Ninh thôn	17. Yên Canh thôn		
18. Trụ Trì Trấn Võ thôn	18. Yên Diên thôn		
19. Trúc Bạch thôn	19. Yên Định thôn		
20. Yên Canh thôn	20. Yên Ninh Thượng thôn		
21. Yên Diên thôn	21. Yên thành thôn		
22. Yên Định thôn	22. Yên Thuận		
23. Yên Ninh thôn	23. Yên Viên		
24. Yên Thành thôn			
25. Yên Thuận			
26. Yên Viên			

	24. Yên Ninh Hạ	12. Yên Viên	Cửa Bắc - Quan Thánh
--	-----------------	--------------	----------------------

2. Tổng Nội

1	2	3	4
10 trại thôn	10 trại thôn	9 trại thôn	
1. Cống Vị trại 2. Đại Yên thôn 3. Giảng Võ thôn 4. Hào Nam thôn 5. Hữu Tiệp thôn 6. Liễu Giai trại 7. Ngọc Hà thôn 8. Thủ Lệ thôn 9. Vạn Bảo thôn 10. Vĩnh Phúc Cống Yên thôn	1. Cống Vị trại 2. Đại Yên thôn 3. Giảng Võ thôn 4. Hào Nam thôn 5. Hữu Tiệp thôn 6. Liễu Giai trại 7. Ngọc Hà thôn 8. Thủ Lệ thôn 9. Vạn Bảo thôn 10. Vĩnh Phúc Cống Yên thôn	1. Cống Vị trại 2. Đại Yên thôn 3. Giảng Võ thôn 4. Hữu Tiệp thôn 5. Liễu Giai trại 6. Ngọc Hà thôn 7. Thủ Lệ thôn 8. Vạn Bảo thôn 9. Cống Yên thôn	Cống Vị Đại Yên Giảng Võ Hữu Tiệp Liễu Giai Ngọc Hà Thủ Lệ Vạn Phúc Cống Yên

3. Tổng Thượng

1	2	3	4
7 phường	7 phường	7 phường	
1. Hòe Nhai 2. Nghi Tàm 3. Nhật Chiêu 4. Quảng Bá 5. Tây Hồ 6. Thạch Khố 7. Yên Hoa	1. Hòe Nhai 2. Nghi Tàm 3. Nhật Chiêu 4. Quảng Bá 5. Tây Hồ 6. Thạch Khố 7. Yên Hoa	1. Giai Cảnh 2. Nghi Tàm 3. Nhật Tân 4. Quảng Bá 5. Tây Hồ 6. Thạch Khố 7. Yên Phụ	Hàng Than (giữa) Nghi Tàm Nhật Tân Quảng Bá Tây Hồ Đường Yên Phụ + Hàng Than (đầu) Làng Yên Phụ

4. Tổng Trung

1	2	3	4
6 phường	6 phường	6 phường	
1. Bái Ân 2. Hồ Khẩu 3. Thụy Chương 4. Trích Sài 5. Vọng Thị 6. Yên Thái	1. Bái Ân 2. Hồ Khẩu 3. Thụy Chương 4. Trích Sài 5. Vọng Thị 6. Yên Thái	1. Bái Ân 2. Hồ Khẩu 3. Thụy Chương 4. Trích Sài 5. Vọng Thị 6. Yên Thái	Bái Ân Hồ Khẩu Thụy Khuê Trích Sài Vọng Thị Yên Thái

5. Tổng Hạ

1	2	3	4
7 phường trại	7 phường trại	6 phường trại	
1. Khương Thượng Trại 2. Nam Đồng Trại 3. Nhượng Công phường 4. Quan Trạm phường	1. Khương Thượng Trại 2. Nam Đồng Trại 3. Nhượng Công phường 4. Quan Trạm phường	1. Khương Thượng Trại 2. Nam Đồng Trại 3. Nhượng Công phường 4. Thịnh Hào phường	Khương Thượng Nam Đồng Thành Công Thịnh Hào

5. Thịnh Hào phường 6. Thịnh Quang phường 7. Yên Lăng trại	5. Thịnh Hào phường 6. Thịnh Quang phường 7. Yên Lăng trại	5. Thịnh Quang phường 6. Yên Lăng trại	Thịnh Quang Yên Lăng
--	--	---	-------------------------

PHỤ LỤC III

Để bạn đọc nắm được quá trình chuyển đổi tên các đường phố Hà Nội từ thời Pháp thuộc qua các thời Cách mạng thành công (1945-1946), qua cả thời tạm chiếm (1947-1954), cho tới ngày nay, chúng tôi soạn Phụ Lục này.

Do lấy tên đường phố thời Pháp thuộc làm gốc nên số lượng tất là ít hơn ngày nay nhiều.

Tư liệu đường phố thời Pháp thuộc là rút trong “*Classement alphabétique et numérique des voies de la ville de Hanoi avec leurs longueurs, largeurs et trottoirs pavés ou non*” (Xếp hạng theo a, b, c và số hiệu những con đường thành phố Hà Nội với các độ dài, độ rộng và vỉa hè có lát hoặc không) do sở Lục lộ TP Hà Nội in năm 1936.

Tư liệu thời Cách mạng là rút trong sách *Bản đồ đổi chiều – tên phố Hà Nội mới và cũ*, do NXB Đại La in theo giấy phép số 180/ST ký ngày 31/12/1945.

Tư liệu thời tạm chiếm rút trong *Bảng đổi chiều tên phố cũ ra phố mới – Thành phố Hà Nội* – XB năm 1951.

Phụ Lục này gồm 4 cột: cột I là tên phố thời Pháp thuộc, cột II là tên phố đọc đổi vào cuối năm 1945, cột III là tên phố thời tạm chiếm (1947-1954), cột IV là tên phố hiện nay.

Cột I xếp theo a, b, c các cột sau là các tên đường phố tương ứng sau khi đổi.

CỘT I	CỘT II	CỘT III	CỘT IV
Ấn Sát Siêu	Phường Đình	Nguyễn Siêu	Nguyễn Siêu
Ancien canal	Đào Duy Từ	Đào Duy Từ	Đào Duy Từ
Antoine (Soeur)	Hàng Bột	Hàng Bột	Hàng Bột
Autigeon (Mme)	Đặng Tất	Đặng Tất	Đặng Tất
Badens (Général de)	Lê Cảnh Tuân	Tôn Thất Thiệp	Tôn Thất Thiệp
Balances	Hàng Cân	Hàng Cân	Hàng Cân
Balny	Trần Nguyên Hãn	Trần Nguyên Hãn	Trần Nguyên Hãn
Bambous	Hàng Tre	Hàng Tre	Hàng Tre
Bảng Nhớn Đôn	Hàng Cháo	Hàng Cháo	Hàng Cháo
Barona (+ Trạng Trình)	Nguyễn Huy Tự	Liên Trì	Liên Trì
Beau (Bernard de)	Nguyễn Chế Nghĩa	Nguyễn Chế Nghĩa	Nguyễn Chế Nghĩa
Beauchamp	Lê Thái Tổ	Lê Thái Tổ	Lê Thái Tổ
Bert (Paul)	Tràng Triền	Pháp Quốc	Tràng Tiền + Hàng Khay
Berthe de Villers	Chu Mạnh Trinh	Chu Mạnh Trinh	Đinh Công Tráng
Beylié (Général)	Lê Quý Đôn	Hàng Chuối	Hàng Chuối
Bichot (Général)	Cửa Đông	Cửa Đông	Cửa Đông
Blanc (Julien)	Nguyễn Đình Chiểu	Phủ Doãn	Phủ Doãn
Blockhaus Nord	Nguyễn Thái Học	Phó Đức Chính	Phó Đức Chính
Bobillot	Lê Thánh Tông	Lê Thánh Tông	Lê Thánh Tông
Boissière	Chùa Quan Thượng	Nguyên Xí	Nguyên Xí
Bonhour + Dominé	Lục Tỉnh	Lê Lai	Lê Lai
Bonifacy	Ôn Như Hầu	Nguyễn Gia Thiều	Nguyễn Gia Thiều
Bonnet (Antoine)	Phó Đức Chính	Châu Long	Châu Long
Borgnis Desbordes	Tràng Thi	Mỹ Quốc	Tràng Thi

Bourret	Ngõ Trạm	Ngõ Trạm	Ngõ Trạm
Bourrin	Yên Ninh	Yên Ninh	Yên Ninh
Bovet	Yết Kiêu	Yết Kiêu	Yết Kiêu
Brière de l'Isle	Hùng Vương	Hùng Vương	Hùng Vương
Briques	Ngõ Gạch	Ngõ Gạch	Ngõ Gạch
Brusseaux (Capitaine)	Bùi Bá Kỳ	Kỳ Đồng	Tổng Duy Tân
Caisses	Hàng Hòm	Hàng Hòm	Hàng Hòm
Calmette	Lăn Ông (Nhưng không phải Lăn Ông ngày nay)	Yersin	Yéc Xanh
Cantonnaix	Hàng Ngang	Hàng Ngang	Hàng Ngang
Cao Đắc Minh	Sĩ Nhiếp	Văn Miếu	Văn Miếu
Carnot	Phan Đình Phùng	Phan Đình Phùng	Phan Đình Phùng
Carreau	Lý Thường Kiệt	Lý Thường Kiệt	Lý Thường Kiệt
Cathédrale	Nhà Thờ	Nhà Thờ	Nhà Thờ
Cát Linh	Cát Linh	Cát Linh	Cát Linh
Champ des Courses	Đội Cấn	Đội Cấn	Đội Cấn
Chanceaulme	Bùi Quang Trinh	Triệu Việt Vương	Triệu Việt Vương
Changeurs	Hàng Bạc	Hàng Bạc	Hàng Bạc
Chân Hưng (cite)	Khu Hàng Cỏ	Ngõ Hàng Cỏ	Hàng Cỏ (ngõ)
Chanvre	Hàng Gai	Hàng Gai	Hàng Gai
Chapeaux	Hàng Nón	Hàng Nón	Hàng Nón
Chapuis	Đội Cung	Thái Phiên	Thái Phiên
Charbon	Hàng Than	Hàng Than	Hàng Than
Charron	Lê Bình	Mai Hắc Đế	Mai Hắc Đế
Châu Long	Châu Long (ngõ)	Châu Long (ngõ)	Châu Long (ngõ)
Chaux	Hàng Vôi	Hàng Vôi	Hàng Vôi + Tông Đản
Chavasieux	Lê Thạch	Lê Thạch	Lê Thạch
Chéon	Phạm Đình Hồ	Phạm Đình Hồ	Phạm Đình Hồ
Circulaire (route)	Đại La	Đại La	Đại La
Citadelle (route de la)	Đường Thành	Đường Thành	Đường Thành
Citadella (Tour de la)	Đình Ngang	Đình Ngang	Đình Ngang
Clémenceau (Quai)	Trần Nhật Duật	Trần Nhật Duật	Trần Nhật Duật
Colomb	Phan Bội Châu	Phan Bội Châu	Phan Bội Châu
Combanère	Hàng Bút	Hàng Bút	Hàng Bút
Commerce (Place)		Chợ Gạo	Chợ Gạo
Concession	Phạm Ngũ Lão	Phạm Ngũ Lão	Phạm Ngũ Lão
Constant (Général)	Ký Con	Đoàn Trần Nghiệp	Đoàn Trần Nghiệp
Coton	Hàng Bông	Hàng Bông	Hàng Bông
Coulier (Charles)	Tích Quang	Khúc Hạo	Khúc Hạo
Courbet (Amiral)	Lý Thái Tổ	Lý Thái Tổ	Lý Thái Tổ
Crévost	Trần Quý Cáp	Thuyền Quang	Thuyền Quang
Cuir	Hàng Da	Hàng Da	Hàng Da
Cuivre	Hàng Đồng	Hàng Đồng	Hàng Mã (Hàng Đồng ngày nay là đoạn Bắc của phố Rue des Tasses tức Bát Sứ)
Đại Lợi (cité)	Khu Thiên Trường	Ngõ Trần Xuân Soạn	Ngõ Trần Xuân Soạn
Đào Duy Từ (+ Ancien canal)	Đào Duy Từ	Đào Duy Từ	Đào Duy Từ
Daurelle	Trần Phú	Nguyễn Bình Khiêm	Nguyễn Bình Khiêm

Delorme Destenay Deux Soeurs + Voies 95, 96 Deydier Dominé Dieulefils + Voi 94 Đinh Tiên Hoàng Đỗ Hữu Vị Đồng Khánh Đông Thái Doudard de Lagrée Dronet (Père) Dufourcq + Halais + Riquier Dumoutier Dupuis (Jean) Duranton Dutreuil des Rhins Duvigneau Duvillier Đức Khánh (impasse) Eventails Etoffes Etoffes (Ruelles) Emile Nolly Faure (Félix) (+ Galliéni) Feishamel Fellonneau Ferblantiers Ferry (Jules) Foch (Mareschal) Forgerons Fourès France Galet Galliéni + Félix Faure) Gambetta Garnier (Francis) Géraud Giác (Sergent) Gia Long Giovaninelli Goussaurd Graffeuil Graines Grand Bouddha Grappping	Trần Bình Trọng Cao Thắng Trúc Bạch Lê Hữu Cảnh Lê Lai Đặng Dung Đinh Tiên Hoàng Cửa Bắc Triệu Quang Phục Đông Thái Hàm Long Ngõ Thọ Xương Nguyễn Du Tân Trào Hàng Chiếu Nguyễn Mậu Kiến Yên Đỗ Minh Khai Phan Chu Trinh Ngõ Đức Khánh Hàng Quạt Hàng Vải Cổng Đục Phạm Hồng Thái Tôn Thất Thuyết Nhà Hỏa Cầu Đất Hàng Thiếc Hàng Trống Yên Thế Lò Rèn Tô Hiến Thành Đồn Thủy Nguyễn Phạm Tuân Tôn Thất Thuyết Trần Hưng Đạo Đinh Tiên Hoàng Tạ Hiện Ngõ Duy Tân Mai Hắc Đế Tôn Trung Sơn Thái Phiên Đặng Trần Côn Hàng Đậu Quan Thánh Hai hiền	Trần Bình Trọng Nguyễn Cảnh Chân Trúc Bạch Bùi Viện Lê Lai Đặng Dung Trần Quý Cáp Cửa Bắc Đồng Khanh Đông Thái Hàm Long Ngõ Thọ Xương Nguyễn Du Chùa Vua Hàng Chiếu Nguyễn Thiếp Nguyễn Khuyến Huyền Trân Công chúa Nguyễn Thái Học Ngõ Hàm Long II Hàng Quạt Hàng Vải Cổng Đục Phạm Hồng Thái Hàm Nghi Nhà Hỏa Hàm Tử Quan Hàng Thiếc Hàng Trống Trương Định Lò Rèn Đinh Lễ Pháp Quốc Lương Ngọc Quyến Hàm Nghi Trần Hưng Đạo Đinh Tiên Hoàng Tạ Hiện Ngõ Duy Tân Gia Long Tôn Thất Thuyết Chợ Đuối Bích Câu Hàng Đậu Quan Thánh Cao Thắng	Trần Bình Trọng Nguyễn Cảnh Chân Trúc Bạch Phan Huy Ích Lê Lai Đặng Dung Trần Quý Cáp Cửa Bắc Hàng Bài Đông Thái Hàm Long Thọ Xương Nguyễn Du Thịnh Yên Hàng Chiếu Nguyễn Thiếp Nguyễn Khắc Cần Bùi Thị Xuân Nguyễn Thái Học Ngõ Hàm Long II Hàng Quạt Hàng Vải Cổng Đục Phạm Hồng Thái Trần Phú Nhà Hỏa Hàm Tử Quan Hàng Thiếc Hàng Trống + Lê Thái Tổ (phần phía Nam) Cổ Tân Lò Rèn Đinh Lễ Tràng Tiền (phía Đông) Lương Ngọc Quyến Trần Phú Trần Hưng Đạo Đinh Tiên Hoàng Tạ Hiện Ngõ Huế Bà Triệu (phía Bắc) Lê Hồng Phong Tuệ Tĩnh Bích Câu Hàng Đậu (P + N) Quan Thánh Cao Thắng
--	--	---	--

Groleau (Elie)	Một Cột	Chùa Một Cột	Chùa Một Cột
Guillemoto	Trần Quang Khải	Trần Quang Khải	Trần Quang Khải
Hà Trung	Hà Trung	Hà Trung	Hà Trung (P + N)
Hà Văn Ký	Đỗ Quyên	Vũ Lợi	Vũ Hữu Lợi
Hài Tượng	Hài Tượng	Hài Tượng	Hài Tượng
Halais (+ Riquier + Dufourcq)	Nguyễn Du	Nguyễn Du	Nguyễn Du
Harmand	Trần Thánh Tông	Trần Xuân Soạn	Trần Xuân Soạn
Hậu quân Chắt	Mai Xuân Thường	Mai Xuân Thường	Mai Xuân Thường
Hautefeuille	Đặng Đình Nhân	Đỗ Hành	Đỗ Hành
Hérel de Brisis	Lạc Long Quân	Thi Sách	Thi Sách
Hillairet	Bạch Thái Bưởi	Bạch Thái Bưởi	Nguyễn Hữu Huân (ngõ)
Hoàng Cao Khải	Lê Đại Hành	Lê Đại Hành	Lê Đại Hành
Hội Vũ	Hội Vũ	Hội Vũ	Hội Vũ
Hồng Phúc	Hồng Phúc	Hồng Phúc	Hồng Phúc
Hôpital chinois	Nguyễn Văn Trạch	Nhà thương Khách	Hòe Nhài
Huyện (ngõ)	Ngõ Huyện	Ngõ Huyện	Ngõ Huyện
Huế	Duy Tân	Duy Tân	Huế
- Identité (N)	Ngõ Lý Thường Kiệt	Ngõ Lý Thường Kiệt	Lý Thường Kiệt (ngõ)
Julien Blanc	Nguyễn Đình Chiểu	Phủ Doãn	Phủ Doãn
- Jabouille	Hồ Xuân Hương	Hồ Xuân Hương	Hồ Xuân Hương
Jacquín	Kinh Dương Vương	Ngô Thì Nhậm	Ngô Thì Nhậm
Jambert	Nguyễn Trường Tộ	Nguyễn Trường Tộ	Nguyễn Trường Tộ
Jauréguiberry	Quang Trung	Quang Trung	Quang Trung
Jauréguiberry (Cité)	Ngõ Hà Hồi	Xóm Hà Hồi	Hà Hồi (xóm)
Joffre (Maréchal)	Nguyễn Tri Phương	Lý Nam Đế	Lý Nam Đế
Joffre (Maréchal) (cite)	Ngõ Hàng Hương	Ngõ Hàng Hương	Hàng Hương (ngõ)
Jouhaux	Khuông Việt	Ngô Văn Sở	Ngô Văn Sở
Jean Soler	Hàng Bông Thợ Nhuộm	Hàng Bông Thợ Nhuộm	Thợ Nhuộm
Krug (Cité)	Bạch Vân	Ngõ Phan Chu Trinh	Ngõ Phan Chu Trinh
Labrousse (Capitaine)	Nguyễn Thánh Hiến	Lý Đạo Thành	Lý Đạo Thành
Lac	Hàng Dầu	Hàng Dầu	Hàng Dầu
Lagisquet	Chân Cầm	Chân Cầm	Chân Cầm
Lambert	Dã Tượng	Dã Tượng	Dã Tượng
Lamblot	Tôn Đản	Lý Quốc Sư	Lý Quốc Sư
Landais	Lý Quốc Sư	Ngõ Nhà Chung	Nhà Chung (ngõ)
Laque	Chả Cá	Chả Cá	Chả Cá
Larrivé (Sergent)	Yersin	Nguyễn Công Trứ	Nguyễn Công Trứ
Lataste	Tán Thuật	Hàng Giấy	Hàng Giấy (phía Bắc)
Laubarède	Đặng Thái Thân	Đặng Thái Thân	Đặng Thái Thân
Laveran	Lê Văn Hưu	Lê Văn Hưu	Lê Văn Hưu
Leblanc	Khúc Hạo	Gầm Cầu (từ Hàng Giấy đến Phùng Hưng - Nguyễn Hữu Huân (từ đầu Cầu đến Hàng Giấy)	Gầm Cầu
Leblois (Général)	Lê Trực	Lê Trực	Lê Trực
Leclanger	Phan Thanh Giản	Lê Phụng Hiếu	Lê Phụng Hiếu
Lecornu	Ấu Triệu	Ấu Triệu	Ấu Triệu
Lepage	Tán Thuật	Nguyễn Thiện Thuật	Nguyễn Thiện Thuật

Léger (Marcel)	Lê Quý Đôn	Lê Quý Đôn	Lê Quý Đôn
Lê Lợi	Bà Triệu	Bà Triệu	Bà Triệu (phía Nam)
Lê Quý Đôn	Lương Văn Can	Lương Văn Can	Lương Văn Can
Llonde	Cấm Chỉ	Cấm Chỉ	Ngõ Hàng Bông lờ
Logerot (Alfred)	Ngõ Hòa Mã	Phùng Khắc Khoan	Phùng Khắc Khoan
Luro	Lữ Gia	Lữ Gia	Lê Ngọc Hân
Lý Thường Kiệt	Ngô Sĩ Liên	Ngô Sĩ Liên	Ngô Sĩ Liên
Lyautey (Maréchal)	Cổ Ngư	Cổ Ngư	Thanh Niên
Mạc Đình Chi	Bà Huyện Thanh Quan	Mạc Đình Chi	Mạc Đình Chi
Mandarine (route)	Hàng Lọng	Hàng Lọng	Lê Duẩn
Mangin (Général)	Ông Ích Khiêm	Ông Ích Khiêm	Ông Ích Khiêm
Mathis (Constant)	Nguyễn Thị Kim	Nguyễn Lai Thạch	Nguyễn Huy Tự
Médicaments	Thuốc Bắc	Thuốc Bắc	Thuốc Bắc
Miribel Résident	Trần Nhân Tông	Trần Nhân Tông	Trần Nhân Tông
Mission	Nhà Chung	Nhà Chung	Nhà Chung
Mongrand	Nguyễn Thượng Hiền	Nguyễn Thượng Hiền	Nguyễn Thượng Hiền
Morel (Résident)	Tự do	Bà Huyện Thanh Quan	Bà Huyện Thanh Quan
Nattes en jonc	Phố Mới	Ô Quan Chưởng	Ô Quan Chưởng
Négrier (Place)	Vườn Đông Kinh Nghĩa Thực	Vườn Đông Kinh Nghĩa Thực	Quảng Trường Đông Kinh Nghĩa Thực
Nghĩa Lợi (cite)		Ngõ Thi Sách	Thi Sách (ngõ)
Ngõ Ngang	Hàng Chai	Hàng Chai	Hàng Chai
Nguyễn Du	Gia Ngư	Gia Ngư	Gia Ngư (phía Tây)
Nguyễn Duy Hàn	Nguyễn Thiện Thuật	Hàng Giầy	Hàng Giầy (phía Nam)
Nguyễn Khuyển (+ Galet)	Lương Ngọc Quyến	Lương Ngọc Quyến	Lương Ngọc Quyến
Nguyễn Trãi	Phan Thanh	Nguyễn Trãi	Nguyễn Văn Tố
Nguyễn Trọng Hợp	Trần Cao Vân	Cao Bá Nhạ	Ngõ Cầu Gỗ
Noguès		Lê Văn Linh	Lê Văn Linh
Od'Endhal	Yên Ninh	Đinh Liệt	Đinh Liệt
Oignons	Hàng Hành	Hàng Hành	Hàng Hành
Olliviers	Hạnh Phúc	Tôn Thất Đàm	Tôn Thất Đàm
Orléans (Henri)	Phùng Hưng	Phùng Hưng	Phùng Hưng
Paniers	Hàng Bồ	Hàng Bồ	Hàng Bồ
Papier	Hàng Giấy	Hàng Giấy	Hàng Giấy
Parreau	Hoàng Hoa Thám	Hoàng Hoa Thám	Hoàng Hoa Thám
Pasquier (trước 1932 là phố Victor Hugo)	Hoàng Diệu	Hoàng Diệu	Hoàng Diệu
Pavie	Hàn Thuyên	Hàn Thuyên	Hàn Thuyên
Pavillons noirs	Mã Mây	Mã Mây	Mã Mây
Pépinière	Thủ Khoa Huân	Thụy Khuê	Thụy Khuê (quãng phía Đông)
Pescadores	Phù Đồng	Phù Đồng Thiên Vương	Phù Đồng Thiên Vương
Pétain (Maréchal)	Bắc Ninh	Phan Thanh Giản	Nguyễn Hữu Huân
Phạm Phú Thứ	Phạm Phú Thứ	Phạm Phú Thứ (từ Phùng Hưng đến Nguyễn Trãi)	Nguyễn Quang Bích + Hội Tin Lành

		Hội Tin Lành từ Nguyễn Trãi Trở xuống	
Philharmonique	Hồ Hoàn Kiếm	Hồ Hoàn Kiếm	Hồ Hoàn Kiếm
Phúc Kiến	Lân Ông	Lân Ông	Lân Ông
Pipes	Hàng Điều	Hàng Điều	Hàng Điều
Poissonnerie	Hàng Cá	Hàng Cá	Hàng Cá
Pont en bois	Cầu Gỗ	Cầu Gỗ	Cầu Gỗ
Pottier	Bảo Khánh	Bảo Khánh	Bảo Khánh
Pouligo	Hồng Đức	Trần Thánh Tông	Trần Thánh Tông
Pouyanne	Nguyễn Trãi	Lò Sũ	Lò Sũ
Prison	Hỏa Lò	Hỏa Lò	Hỏa Lò
Puginier	Dân chủ cộng hòa	Cột Cờ	Điện Biên Phủ
Radeaux	Hàng Bè	Hàng Bè	Hàng Bè
Raffenel	Phan Huy Chú	Phan Huy Chú	Phan Huy Chú
Reinach	Trần Quốc Toản	Trần Quốc Toản	Trần Quốc Toản
République (tức Honoré Tissot)	Dân Quyền	Dân Quyền	Hoàng Văn Thụ
Révérony (Voice 147)	Tăng Bạt Hổ	Tăng Bạt Hổ	Tăng Bạt Hổ
Rheinart	Trần Khánh Dư	Trần Khánh Dư + Nguyễn Khoái	Trần Khánh Dư + Nguyễn Khoái
Rhodes (Alexandre de)	Bích Câu	Đặng Trần Côn	Đặng Trần Côn
Rialan	Trạng Trình	Phan Chu Trinh	Phan Chu Trinh
Richaud	Quán Sứ	Quán sứ	Quán sứ
Riquier (+ Halais + Dufourcq)	Nguyễn Du	Nguyễn Du	Nguyễn Du
Rivière (Henri)	Ngô Quyền	Ngô Quyền	Ngô Quyền
Riz	Chợ Đồng Xuân	Đồng Xuân	Đồng Xuân
Robert	Trương Hán Siêu	Trương Hán Siêu	Trương Hán Siêu
Rodier	Thi Sách	Triệu Quốc Đạt	Triệu Quốc Đạt
Rollandes	Bà Trưng	Hai Bà Trưng	Hai Bà Trưng
Rondony (+ Rue des Seaux)	Bình Chuẩn	Hàng Thùng	Hàng Thùng
Rousseau (Armand)	Lò Đúc	Lò Đúc	Lò Đúc
Route circulaire	Đường Đại La	Đại La	Đại La
Route mandirine	Hàng Lọng	Hàng Lọng	Lê Duẩn
Sầm Công	Sầm Công	Tôn Thất Yên	Tôn Thất Yên
Sapèquerie	Phạm Sư Mạnh	Phạm Sư Mạnh	Phạm Sư Mạnh
Sapèquerie (ruelle)		Ngô Tràng Tiền	Tràng Tiền (ngõ)
Saumure	Hàng Mắm	Hàng Mắm	Hàng Mắm
Schneider (Frères)	Nguyễn Biểu	Nguyễn Biểu	Nguyễn Biểu
Seaux (+ Rondony)	Bình Chuẩn	Hàng Thùng	Hàng Thùng
Sel	Hàng Muối	Hàng Muối	Hàng Muối
Sénès (Amiral)	Hòa Mã	Hòa Mã	Hòa Mã
Sergent Giác	Ngô Duy Tân	Ngô Duy Tân	Ngô Huế
Simoni	Lê Chân	Lê Chân	Mười chín tháng mười hai
Sinh Từ	Bùi Huy Bích	Sinh Từ	Nguyễn Khuyến
Soie	Hàng Đào	Hàng Đào	Hàng Đào
Soler (+ Teinturiers)	Hàng Bông Thợ Nhuộm	Hàng Bông Thợ Nhuộm	Thợ Nhuộm Hàng Lược

Sông Tô Lịch Sơn Tây Stores Sucre Takou Tạm Thương Tân Hưng (cite) Tasses	Hàng Lược Sơn Tây Hàng Mành Hàng Đường Hàng Cót Tạm Thương Khu Tức Mặc Hàng Bát	Hàng Lược Sơn Tây Hàng Mành Hàng Đường Hàng Cót Tạm Thương Tức Mặc (ngõ) Hàng Đồng (từ Hàng Mã đến Lãn Ông) Hàng Bát Sứ (từ Lãn Ông đến Bát Đàn)	Sơn Tây Hàng Mành Hàng Đường Hàng Cót Tạm Thương Tức Mặc (ngõ) Hàng Đồng + Hàng Bát Sứ
Teinturiers (+ Soler)	Hàng Bông Thợ Nhuộm	Hàng Bông Thợ Nhuộm	Thợ Nhuộm
Thịnh Đức (cite)	Khu Kiếp Bạc	Khu Kiếp Bạc	Kiếp Bạc (ngõ)
Tholance (Auguste)	Đoàn Thị Điểm	Đoàn Thị Điểm	Đoàn Thị Điểm
Thuận Lợi (cite)	Khu Nghĩa Lộ	Ngõ Hàm Long I	Ngõ Hàm Long I
Tiên tsin	Hàng Gà	Hàng Gà	Hàng Gà
Tiền Quân Thành	Xứ Nhu	Nguyễn Khắc Nhu	Nguyễn Khắc Nhu
Tirant	Gia Ngư	Gia Ngư	Gia Ngư
Tô Tịch	Tổ Tịch	Tổ Tịch	Tổ Tịch
Tour de la Citadella	Đình Ngang	Đình Ngang	Đình Ngang
Tràng an (cite)	Khu Nam Nghĩa	Ngõ Tràng An	Tràng An (ngõ)
Tràng Khánh	Khu Cổ Am	Ngõ Lê Văn Hưu III	Ngõ Lê Văn Hưu III
Trạng Trình + Borona	Nguyễn Huy Tự	Liên Trì	Liên Trì (đầu phía Bắc)
Trần Hưng Đạo	Ngũ Xã	Ngũ Xã	Ngũ Xã
Tripembach	Thủ Khoa Trung	Nguyễn Trung Trực	Nguyễn Trung Trực
Trúc Lạc	Trúc Lạc	Trúc Lạc	Trúc Lạc
Tubercules	Hàng Khoai	Hàng Khoai	Hàng Khoai
Tuyên Quang	Cao Bá Quát	Cao Bá Quát	Cao Bá Quát
Văn Tân (cite)	Khu Nguyễn Công Trứ	Ngõ Yên Thế	Yên Thế (ngõ)
Vases	Hàng Chĩnh	Hàng Chĩnh	Hàng Chĩnh
Vermicelles	Hàng Bún	Hàng Bún	Hàng Bún
Vers blancs	Hàng Rươi	Hàng Rươi	Hàng Rươi
Vieille des tasses	Bát Đàn	Bát Đàn	Bát Đàn
Vieux marché	Hàng Phèn	Hàng Phèn	Hàng Phèn
Vieux du Papier		Thụy Khuê	Thụy Khuê (phía Tây)
Villersv (Berthe de)	Đình Công Tráng	Đình Công Tráng	Đình Công Tráng
Vinh Thái (cite)	Khu Văn Thân	Ngõ Hàm Long III	Ngõ Hàm Long III
Voiles	Hàng Buồm	Hàng Buồm	Hàng Buồm
Vollenhoven (Van)	Nhân Diên	Chu Văn An	Chu Văn An
Vọng Đức	Vọng Đức	Vọng Đức	Vọng Đức
Wiélé	Tô Hiệu	Tô Hiến Thành	Tô Hiến Thành
Voie 206B	Bảo Anh	Bảo Anh	Bảo Anh
Voie 230	Chùa Vua	Trần Cao Vân	Trần Cao Vân
Voie 143	Hàm Nghi	Nguyễn Phạm Tuân	Nguyễn Phạm Tuân
Voie 233	Yên Bái	Yên Bái	Yên Bái
Voie 232	Giải Phóng	Đồng Nhân	Đồng Nhân
Voie 164-222	Đại Cồ Việt	Đại Cồ Việt	Đại Cồ Việt

**CÁC ĐƯỜNG PHỐ ĐÁNH SỐ ĐÃ ĐƯỢC
THAY THẾ BẰNG TÊN NGƯỜI TÊN ĐẤT**

(Chưa hoàn chỉnh vì còn một số đang được đề nghị chuyển đổi)

TÊN PHỐ BẰNG SỐ	TÊN PHỐ HIỆN NAY
103	Nguyễn Khắc Hiếu
104	Lạc Chinh
105	Nam Tràng
108	Trần Tế Xương
143	Nguyễn Phạm Tuấn
159	Lương Yên
163	Nguyễn Cao
162+ 164 + 222	Đại Cồ Việt
170 bis	Nguyễn Quyền
172	Nguyễn Trung Ngạn
204	Lý Văn Phúc
205	Ngõ Hàng Bột
206 bis	Ngõ Nguyễn Thái Học
214	Trịnh Hoài Đức
221	Phan Văn Trị
230	Trần Cao Vân
232	Đồng Nhân
233	Yên Bái
233 bis	Thịnh Yên
238	Quốc Tử Giám
252	Ngõ chợ Đồng Xuân
258	Ngõ Ngô Sĩ Liên
268	Phố Yên Thế
271	Ngõ Báo Khánh
296	Nguyễn Đình Chiểu